

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/DS - ST
Ngày 11-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Hiền

Bà Nguyễn Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2026/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981 (Có mặt).

Trú tại: Ấp C, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Anh Bùi Văn M, sinh năm 1973 (Có mặt).

2. Chị Lâm Thị Thúy D, sinh năm 1974 (Có mặt).

Trú tại: Ấp C, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14 tháng 01 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh Nguyễn Thanh T và anh Bùi Văn M, chị Lâm Thị Thúy D là người cùng xóm. Ngày 01/4/2021, vợ chồng anh M và chị D vay của anh số tiền 272.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 2%/tháng, cam kết đến ngày 01/10/2021 sẽ trả hết số tiền vay cho anh T. Tuy nhiên, anh M và chị D chỉ trả lãi đến ngày 01/11/2025 thì ngưng và không trả đủ nợ gốc cho anh T. Anh M và chị D có mặt khi nhận tiền vay nhưng do anh T sơ ý nên trong biên nhận anh T không có yêu cầu anh M ký tên. Khi giao nhận tiền và làm biên nhận nợ có anh Phạm Thanh S (Tên thường gọi là L) làm chứng. Anh M và chị D đã trả được số tiền nợ gốc là 96.380.000 đồng, còn nợ lại số tiền 175.620.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh T khởi kiện chị Lâm Thị Thúy D và anh Bùi Văn M yêu cầu chị D và anh M trả cho anh T số tiền gốc còn nợ là 175.620.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng và tiền lãi với lãi suất 2%/tháng, tính từ ngày 01/11/2025 cho đến khi toà án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày nộp đơn là 3.512.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lâm Thị Thúy D, anh Bùi Văn M trình bày:

Anh M không có nợ anh T số tiền 175.620.000 đồng như anh T trình bày. Anh M nợ của người khác số tiền 800.000.000 đồng để chơi đánh bạc, người đó bán nợ qua anh T. Chị D và anh M thừa nhận còn nợ lại anh T số tiền là 93.000.000 đồng, số nợ 12.000.000 đồng là số nợ của con gái anh M không có liên quan trong vụ án. Hàng tháng, anh M trả tiền lãi cho anh T là 2.220.000 đồng. Anh M và chị D xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, bắt đầu trả khi chị D trị hết bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T và bị đơn chị Lâm Thị Thúy D, anh Bùi Văn M là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào các giấy mượn tiền đề ngày 01/4/2021, ngày 14/02/2023, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T và bị đơn anh Bùi Văn M, chị Lâm Thị Thúy D thống nhất được các vấn đề như sau: Anh Bùi Văn M, chị Lâm Thị Thúy D còn nợ lại anh Nguyễn Thanh T số nợ gốc là 93.000.000 đồng; Anh Bùi Văn M, chị Lâm Thị Thúy D đồng ý trả cho anh T số nợ gốc là 93.000.000 đồng và nợ lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính kể từ tháng 11/2025 đến tháng 5/2026 số tiền là 10.806.000 đồng, tổng cộng là 103.806.600 đồng. Tuy nhiên, anh T và anh M, chị D không thống nhất được phương thức trả tiền. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu anh M, chị D trả số tiền 103.806.600 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Anh M và chị D xin trả dần hàng tháng. Xét thấy, chị D và anh M chưa trả số tiền 93.000.000 đồng nợ gốc và 10.806.000 đồng nợ lãi cho anh T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu chị Lâm Thị Thúy D và anh Bùi Văn M trả tổng số tiền 103.806.600 là có căn cứ chấp nhận. Về phương thức trả nợ, các bên được quyền thoả thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T, buộc anh Bùi Văn M và chị Lâm Thị Thúy D trả cho anh Nguyễn Thanh T số nợ gốc là 93.000.000 đồng và số nợ lãi là 10.806.600 đồng, tổng cộng là 103.806.600 đồng.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T.

1. Buộc bị đơn chị Lâm Thị Thúy D và anh Bùi Văn M trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền nợ gốc là 93.000.000 đồng, nợ lãi là 10.806.600 đồng, tổng cộng là 103.806.600 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Lâm Thị Thúy D và anh Bùi Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.190.330 đồng.

Hoàn lại anh Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí là 4.478.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001679 ngày 28/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Kim Hằng

